



LÊ ANH VINH (Chủ biên)
NGUYỄN MINH HẢI – BUI BÁ MẠNH
PHÙNG NHƯ THỤY

35 đề

Ôn luyện

TỐÁN 4

TẬP MỘT



Phần một: CÁC ĐỀ ÔN LUYỆN

ĐỀ 1

A. YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Cấu tạo, phân tích số; đọc, viết, xếp thứ tự và so sánh các số trong phạm vi 100 000.
- Các phép tính trong phạm vi 100 000.

B. ĐỀ ÔN LUYỆN

1. Hoàn thành bảng sau.

Đọc số	Viết số	Viết số thành tổng
	47 812	40 000 + 7 000 + 800 + 10 +2
Năm mươi tư nghìn một trăm chín mươi mốt		
	29 653	
		70 000 + 2000+ 500+30 +7
Tám mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi sáu		

2. Nói (theo mẫu).

Số gồm 6 chục nghìn, 4 nghìn, 3 trăm, 5 chục, 7 đơn vị	96 081	Số gồm 4 chục nghìn, 7 trăm, 9 chục
Số gồm 7 chục nghìn, 5 nghìn, 6 trăm, 2 chục	64 357	Số gồm 2 chục nghìn, 7 nghìn, 3 trăm, 5 chục, 8 đơn vị
Số gồm 1 chục nghìn, 8 nghìn, 7 trăm, 3 chục	27 358	Số gồm 9 chục nghìn, 6 nghìn 8 chục, 1 đơn vị
	75 620	
	40 790	
	18 730	

3. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Số lớn nhất trong các số: 21 897; 12 789; 19 182; 28 911 là:

- A. 21 897
- B. 12 789
- C. 19 182
- D. 28 911

b) Số nào dưới đây có chữ số 6 ở hàng trăm?

- A. 26 734
- B. 72 643
- C. 63 247

D. 73 462

c) Số 37 492 làm tròn đến hàng nghìn ta được số:

A. 30 000

B. 37 000

C. 37 500

D. 38 000

4. Đ/ S?

a) Số liền sau của 9 999 là 10 000.

.....

b) Số liền trước của 19 999 là 18 999.

.....

c) 25 300; 25 400; 25 500 là ba số tự nhiên liên tiếp.

.....

d) $87\,357 > 80\,000 + 7\,000 + 300 + 50 + 6$.

.....

5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $6\,000 + \dots + 30 + 1 = 6731$

b) $30\,000 + 4\,000 + \dots + 7 = 34\,027$

c) $20\,000 + 900 + 70 + 4 = \dots$

d) $50\,000 + 5\,000 + 500 + 50 = \dots$

6. Đặt tính rồi tính.

a) $7364 + 2\,152$

$6\,048 + 17\,523$

$9\,415 - 5\,261$

$78\,437 - 19\,208$

b) $4\,105 \times 7$

$16\,351 \times 3$

$4\,064 : 5$

$72\,903 : 9$

7. Tính giá trị của biểu thức.

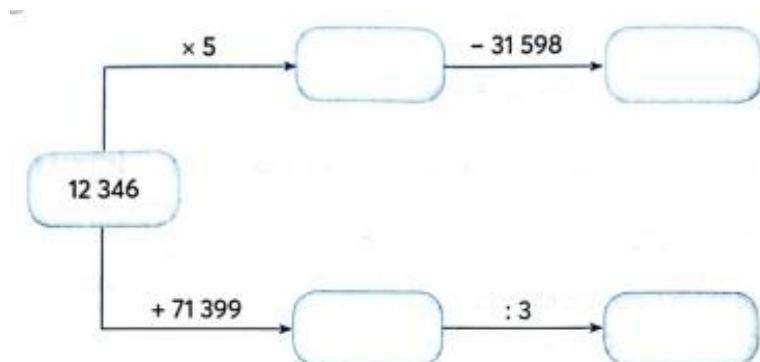
a) $75\,834 - (34\,173 - 18\,046)$

b) $35\,284 + (12\,457 + 36\,718)$

c) $96\,752 - 12\,365 \times 5$

d) $28\,532 + 54\,184 : 4$

8. Số ?



9. Trong chiến dịch phủ xanh đồi trọc, bản của bạn Nương trồng được 8 070 cây bạch đàn. Số cây keo trồng được gấp 6 lần số cây bạch đàn. Hỏi bản của bạn Nương trồng được tất cả bao nhiêu cây bạch đàn và cây keo?

10. Viết mỗi số sau thành tổng của ba số tự nhiên liên tiếp (theo mẫu)

Mẫu: $30 = 9 + 10 + 11$.

a) 90

b) 300

c) 6006

d) 3 024

ĐỀ 2

A. YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Nhận biết số chẵn, số lẻ.
- Biểu thức chứa chữ, tính giá trị của biểu thức chứa chữ.

B. ĐỀ ÔN LUYỆN

1. Cho các số sau:

23	168	3 822	15 551
99 164	28 337	91 889	63 516

Hãy xác định xem mỗi số đã cho là số chẵn hay số lẻ rồi viết vào bảng dưới đây cho thích hợp.

Số chẵn			
Số lẻ			

2. Số ?

a) 511 513 515

b) 2 022 2 026 2 028

3. Viết số thích hợp vào ô trống để được:

a) Các số lẻ liên tiếp tăng dần.

35

41

911

1 205

b) Các số chẵn liên tiếp giảm dần.

50

444

128

1 372

4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Số lẻ bé nhất có bốn chữ số là, số lẻ lớn nhất có bốn chữ số là.....

b) Số chẵn lớn nhất có năm chữ số khác nhau là, số chẵn bé nhất có năm chữ số khác nhau là.....

5. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Từ 20 đến 41 có tất cả bao nhiêu số chẵn?

A. 10 số

B. 11 số

C. 20 Số

D. 21 Số

b) Từ 40 đến 60 có tất cả bao nhiêu số lẻ?

A. 9 số B. 10 số C. 19 số D. 20 số

c) Biết giữa hai số chẵn có 5 số lẻ, vậy hiệu của hai số chẵn đó là:

A. 1 B. 2 C. 9 D. 10

6. Cho hình vuông có cạnh a.

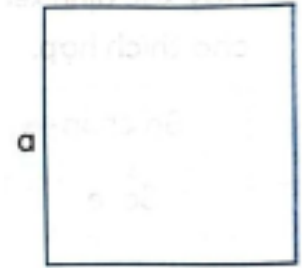
Tính chu vi P của hình vuông trong mỗi trường hợp sau.

a) Với $a = 6 \text{ m}$, ta có: $P = \dots\dots$

b) Với $a = 128 \text{ mm}$, ta có: $P = \dots\dots$

c) Với $a = 1280 \text{ cm}$, ta có: $P = \dots\dots$

7. Nối mỗi giá trị của biểu thức $2\,581 + 1008 \times a$ với trường hợp của a thích hợp.

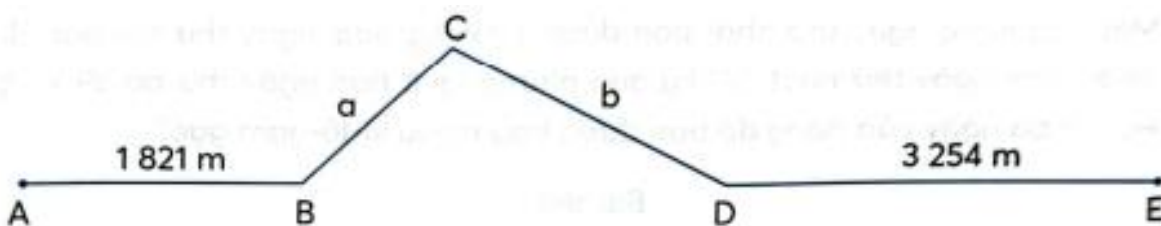


$a = 4$		$2\,581 + 1008 \times a = 9637$
$a = 7$		$2\,581 + 1\,008 \times a = 6\,613$
$a = 6$		$2\,581 + 1008 \times a = 10\,645$
$a = 8$		$2\,581 + 1008 \times a = 8\,629$

8. Tính chu vi P của hình chữ nhật có chiều dài a, chiều rộng b (theo mẫu).

a	b	P
15 m	9 m	$P = (15 + 9) \times 2 = 48 \text{ (m)}$
38 dm	21 dm	
157 cm	132 cm	
2\,904 mm	1\,486 mm	

9. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



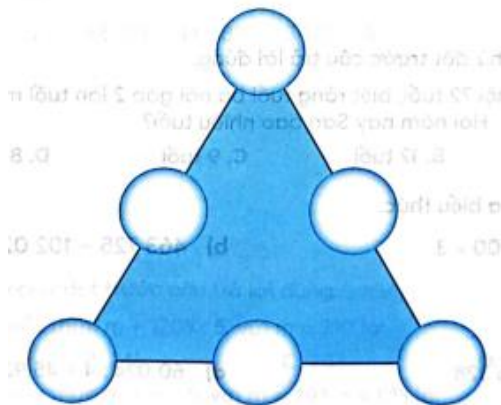
Cho biết: $a = 1\,263 \text{ m}$, $b = 2\,379 \text{ m}$.

a) Độ dài đường gấp khúc ABCD là:....

b) Độ dài đường gấp khúc BCDE là:.....

c) Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:.....

10. Viết tất cả các số 2 000, 2 001, 2 002, 2 003, 2 004, 2 005 vào các ô trống sao cho các tổng của ba số trên mỗi cạnh của hình tam giác luôn bằng nhau.



ĐỀ 3

A. YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Giải bài toán có ba bước tính.
- Dùng thước đo góc để đo góc, dùng đơn vị đo góc.

B. ĐỀ ÔN LUYỆN

1. Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được 1 235 kg gạo, ngày thứ hai bán được nhiều hơn ngày thứ nhất 201 kg gạo nhưng lại ít hơn ngày thứ ba 39 kg gạo. Hỏi cả ba ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Năm nay bà nội 72 tuổi, biết rằng tuổi bà nội gấp 2 lần tuổi mẹ và tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi Sơn. Hỏi năm nay Sơn bao nhiêu tuổi? A.

- 18 tuổi
- B. 12 tuổi
- C. 9 tuổi
- D. 8 tuổi

3. Tính giá trị của biểu thức.

- a) $40\,000 + 15\,000 \times 3$
- b) $463\,725102\,021:3$
- c) $16\,113 \times 5 - 35\,328$
- d) $60\,024 : 4 + 45\,937$

4. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Giá một quyển vở là 12 500 đồng, giá một chiếc cặp sách là 91.000 đồng. Nếu mua 6 quyển vở và 5 chiếc cặp cùng loại đó thì phải trả tất cả số tiền là:.....

5. Đặt bài toán theo tóm tắt sau rồi giải.



6. Đặt tính rồi tính.

$$47\,382 + 12\,537 \qquad 56\,27614\,089 \qquad 3\,109 \times 6 \qquad 53\,146:4$$

7. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Giá trị của biểu thức $m + 1205 : 5$, với $m = 310$ là:

- A. 33
- B. 241
- C. 303
- D. 551

b) Giá trị của biểu thức $m + n \times 5$, với $m = 297$, $n = 813$ là:

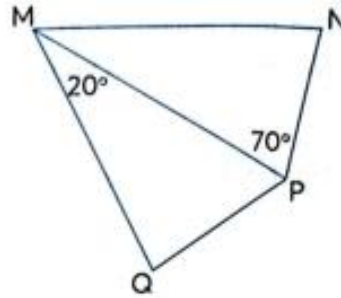
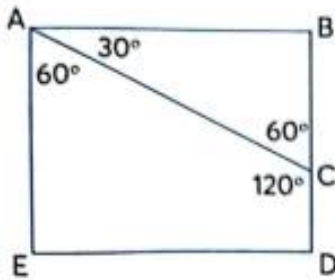
- A. 5 550

B. 4 362

C. 4 065

D. 1110

8. Quan sát hình vẽ rồi viết số đo thích hợp vào chỗ chấm.



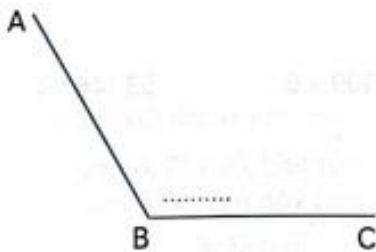
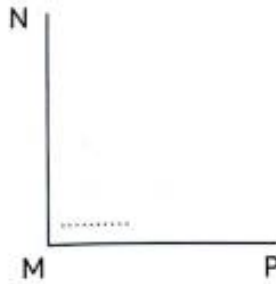
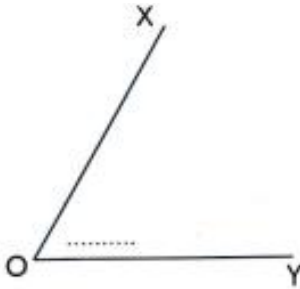
a) Góc đỉnh A; cạnh AB, AC có số đo là...

b) Góc đỉnh C; cạnh CA, CB có số đo là.....

c) Góc đỉnh M; cạnh MP, MQ có số đo là.....

d) Góc đỉnh P; cạnh PM, PN có số đo là.....

9. Dùng thước đo góc để đo các góc sau rồi viết số đo vào góc đó.



10. Đ, S?

.... a) Số lẻ lớn nhất có bốn chữ số khác nhau làm tròn đến hàng nghìn thì được số 10000.

.... b) Từ 17 541 đến 17 581 có tất cả 20 số lẻ.

.... c) Từ các chữ số 0, 4, 5, 6 có thể lập được 4 số lẻ có bốn chữ số khác nhau.

.... d) Số liền trước số lẻ bé nhất có năm chữ số khác nhau là 9 998.

ĐỀ 4

A YÊU CẦU

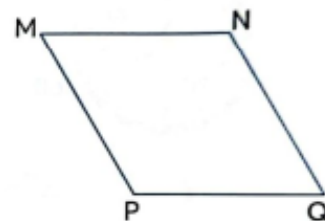
Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Đo góc, đơn vị đo góc.
- Góc nhọn, góc tù, góc vuông, góc bẹt.

B ĐỀ ÔN LUYỆN

1. Dùng thước đo góc rồi viết số đo thích hợp vào bảng sau.

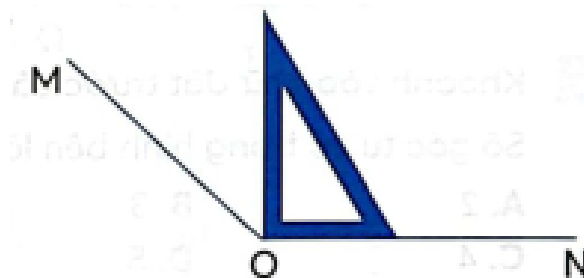
Góc	Số đo góc
Góc đỉnh M; cạnh MN, MP	
Góc đỉnh N; cạnh NM, NQ	
Góc đỉnh Q; cạnh QN, QP	
Góc đỉnh P; cạnh PQ, PM	



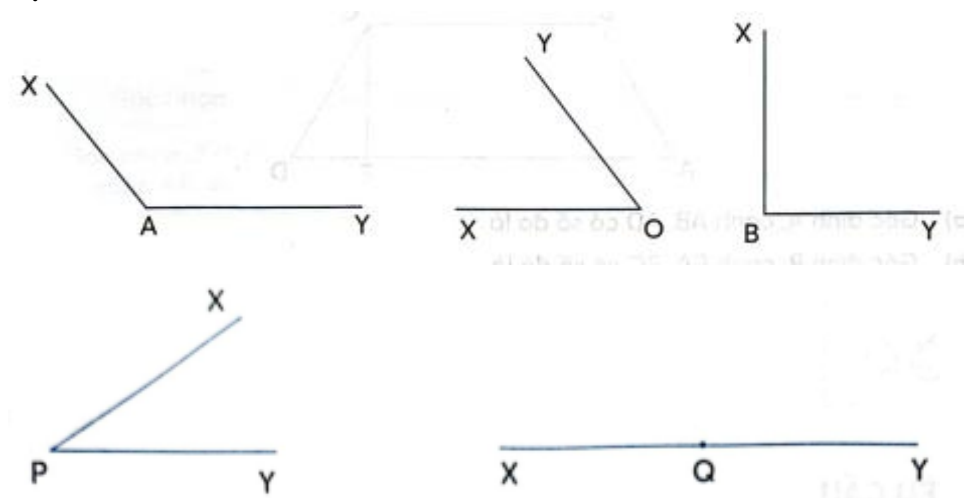
2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Góc đỉnh O; cạnh OM, ON là:

- A. Góc nhọn
- B. Góc vuông
- C. Góc tù
- D. Góc bẹt



3. Viết tên góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt vào chỗ chấm dưới mỗi hình sau.



4. Dùng thước đo góc rồi nối mỗi hình với số đo thích hợp.



90°

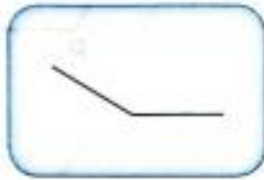
60°

150°

180°

120°

30°

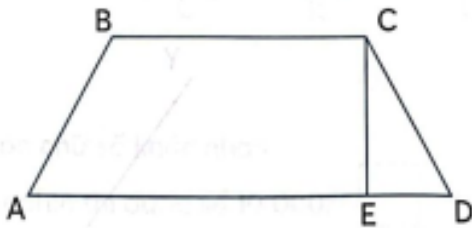


5. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng. Số góc tù có trong hình bên là:

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5



6. Dùng thước đo góc rồi viết số đo thích hợp vào chỗ chấm.



- a) Góc đỉnh A; cạnh AB, AD có số đo là....
- b) Góc đỉnh B; cạnh BA, BC có số đo là.....
- c) Góc đỉnh C; cạnh CE, CD có số đo là.....
- d) Góc đỉnh D; cạnh DC, DE có số đo là.....

7. Kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành một góc. Nối mỗi đồng hồ với tên góc thích hợp.



Góc nhọn

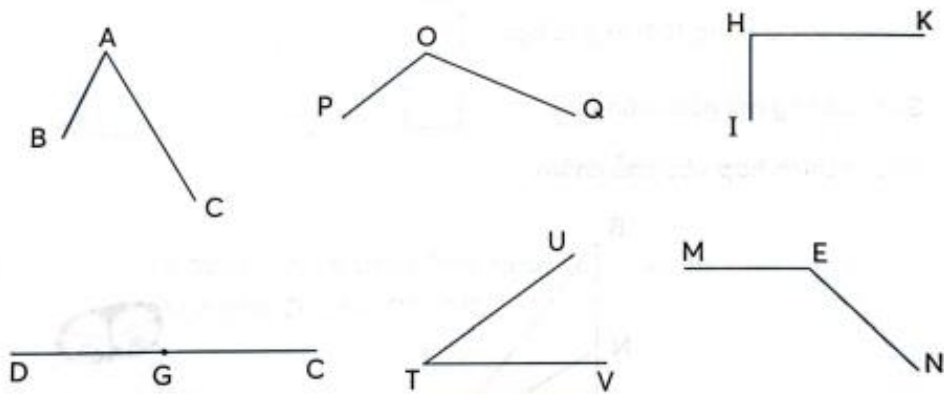
Góc tù

Góc vuông

Góc bẹt



8. Viết tên các góc vào bảng sau cho thích hợp (theo mẫu).



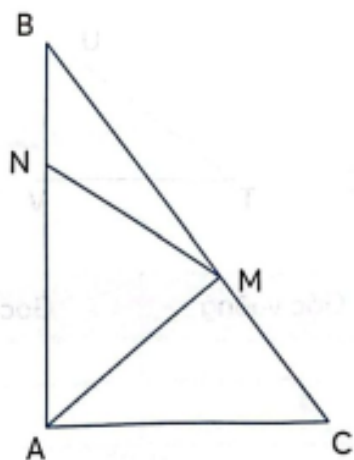
Góc nhọn	Góc vuông	Góc tù	Góc bẹt
Góc nhọn đỉnh A cạnh AB, AC			

9. Đ, S ?



- a) Góc có số đo bằng 180° là góc tù.
 b) Góc có số đo bằng 90° là góc vuông.
 c) Góc có số đo bằng 120° là góc nhọn.
 d) Góc có số đo bằng 180° là góc bẹt.
 e) Góc tù bằng hai góc vuông.

10. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Trong hình vẽ trên có:

- a)..... góc nhọn. b).....góc vuông. c).....góc tù.

ĐỀ 5

A YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt.
- Cấu tạo, phân tích số; đọc, viết, xếp thứ tự các số có đến sáu chữ số.
- Số 1 000 000.
- Nhận biết hàng và lớp; giá trị của chữ số trong mỗi số.

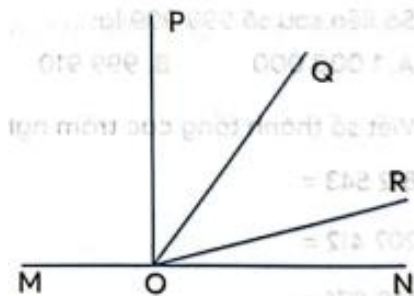
B ĐỀ ÔN LUYỆN

1. Quan sát các đèn bàn học chống cận dưới đây rồi đánh dấu X vào ô trống dưới đèn có thân đèn và bóng đèn tạo thành góc tù.



2. Viết tên các góc nhọn có trong hình dưới đây (theo mẫu).

Mẫu: Góc nhọn đỉnh O; cạnh ON, OR.



3. Hoàn thành bảng sau.

Số gồm	Viết số	Đọc số
1 trăm nghìn, 8 chục nghìn, 3 nghìn, 4 trăm, 2 chục và 7 đơn vị		
	265 091	
		Ba trăm tám mươi ba nghìn hai trăm chín mươi lăm
4 trăm nghìn, 5 chục nghìn, 1 trăm và 2 chục		

4. Số?

a) 888 350 888 360 888 380

b) 720 000 820 000 920 000

5. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Số lớn nhất có sáu chữ số đọc là:

- A. Chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín
- B. Chín trăm chín chín nghìn chín trăm chín chín
- C. Chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi
- D. Chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín

b) Số lẻ bé nhất có sáu chữ số viết là:

- A. 102 345
- B. 111 111
- C. 100 001
- D. 100 101

c) Số liền sau số 999 999 là:

- A. 1 000 000
- B. 999 910
- C. 109 999
- D. 100 000

6. Viết số thành tổng các trăm nghìn, chục nghìn, nghìn, trăm, chục và đơn vị.

a) 812 543 =

b) 207 412 =

c) 510 076 =

d) 375 180 =

7. Nói mỗi số với số chỉ giá trị của chữ số gạch chân trong mỗi số đó.

348 520	384 052	543 820
---------	---------	---------

500 000	50	50 000	500	5	5 000
---------	----	--------	-----	---	-------

345 082	483 205	853 402
---------	---------	---------

8. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 450 081 = 400 000 + + 80 + 1

b) 279 536 = 200 000 + 70 000 + + 500 + 30 +

c) = 500 000 + 10 000 + 3 000 + 800 + 40 + 9

d) = 300 000 + 30 000 + 3 000 + 300

9. Hoàn thành bảng sau.

Số	Vị trí của chữ số gạch chân (thuộc hàng nào,	Giá trị của chữ số gạch
----	--	-------------------------

	lớp nào?)	chân
541 <u>8</u> 63		
3 <u>6</u> 9 001		
<u>7</u> 07 988		
100 <u>2</u> 54		
20 <u>3</u> 172		

10. Tìm tất cả các số có sáu chữ số mà tổng các chữ số trong mỗi số đều bằng 53.
Viết các số đó theo thứ tự từ bé đến lớn.

ĐỀ 6

A YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Cấu tạo, phân tích số; đọc, viết các số trong phạm vi lớp triệu.
- Số 1.000.000 .000.
- Nhận biết chữ số thuộc hàng nào, lớp nào; tìm giá trị của chữ số trong mỗi số.

B ĐỀ ÔN LUYỆN

1. Nói mỗi số với cách đọc số đó.

5 000 000	505 000 000	500 000 000
-----------	-------------	-------------

Năm trăm triệu		Năm trăm linh năm triệu
Năm mươi lăm triệu		Năm mươi triệu
Năm triệu		Năm trăm năm mươi triệu

55 000 000	50 000 000	550 000 000
------------	------------	-------------

2. Viết vào chỗ chấm cho thích hợp.

a) Số gồm: 2 trăm triệu, 3 chục triệu, 5 triệu, 6 trăm nghìn, 4 chục nghìn, 1 nghìn, 8 trăm và 7 đơn vị.

Viết là:

Đọc là:

b) Số gồm: 7 trăm triệu, 3 triệu, 4 trăm nghìn, 8 nghìn, 2 trăm và 5 đơn vị.

Viết là:

Đọc là:

c) Số gồm: 6 trăm triệu, 6 chục triệu, 6 trăm nghìn, 6 chục nghìn, 6 nghìn, 6 trăm và 6 đơn vị.

Viết là:

Đọc là:

3. Nói mỗi đồ vật với giá tiền thích hợp trong thực tế rồi viết giá tiền bằng số vào ô trống ở mỗi đồ vật, biết giá xe máy cao hơn giá máy giặt.

Một triệu bốn trăm nghìn đồng	Mười bốn triệu đồng	Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng	Bốn trăm triệu đồng
-------------------------------	---------------------	-------------------------------	---------------------



4. Viết số thành tổng (theo mẫu).

Số	Viết thành tổng
2 540 831	2 000 000 + 500 000 + 40 000 + 800 + 30 + 1
400 924 101	
313 001 505	
767 000 326	

5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Số bé nhất có chín chữ số mà tổng các chữ số của số đó bằng 10 là.....

6. Hoàn thành bảng sau.

Viết số	Lớp triệu			Lớp nghìn			Lớp đơn vị		
	Hàng trăm triệu	Hàng chục triệu	Hàng triệu	Hàng trăm nghìn	Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị
502 376 185									
	3	0	7	5	6	1	2	3	8
621 785 413									
	5	0	1	7	9	6	3	4	2
126 547 332									

7. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Trong số 123 456 789:

a) Chữ số 2 thuộc hàng nào, lớp nào?

- A. Hàng chục nghìn, lớp triệu
- B. Hàng chục triệu, lớp nghìn
- C. Hàng chục triệu, lớp triệu
- D. Hàng triệu, lớp triệu

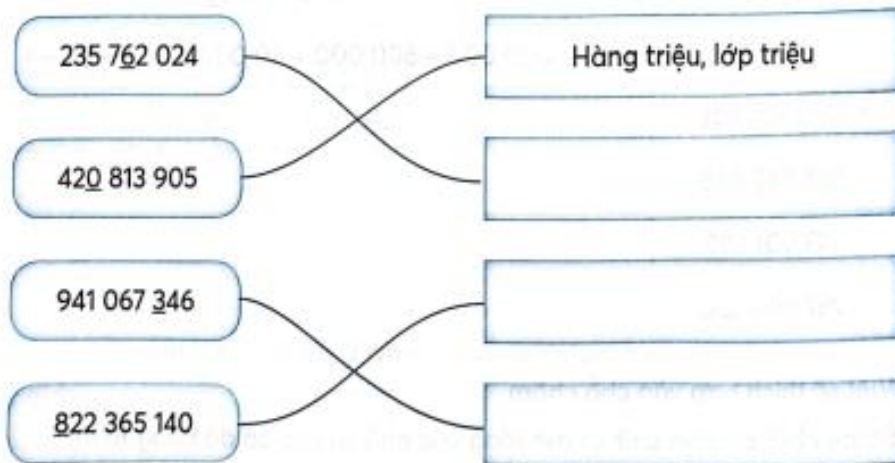
b) Chữ số 5 thuộc hàng nào lớp nào?

- A. Hàng chục nghìn, lớp nghìn
- B. Hàng chục triệu, lớp nghìn
- C. Hàng chục nghìn, lớp triệu
- D. Hàng trăm, lớp nghìn

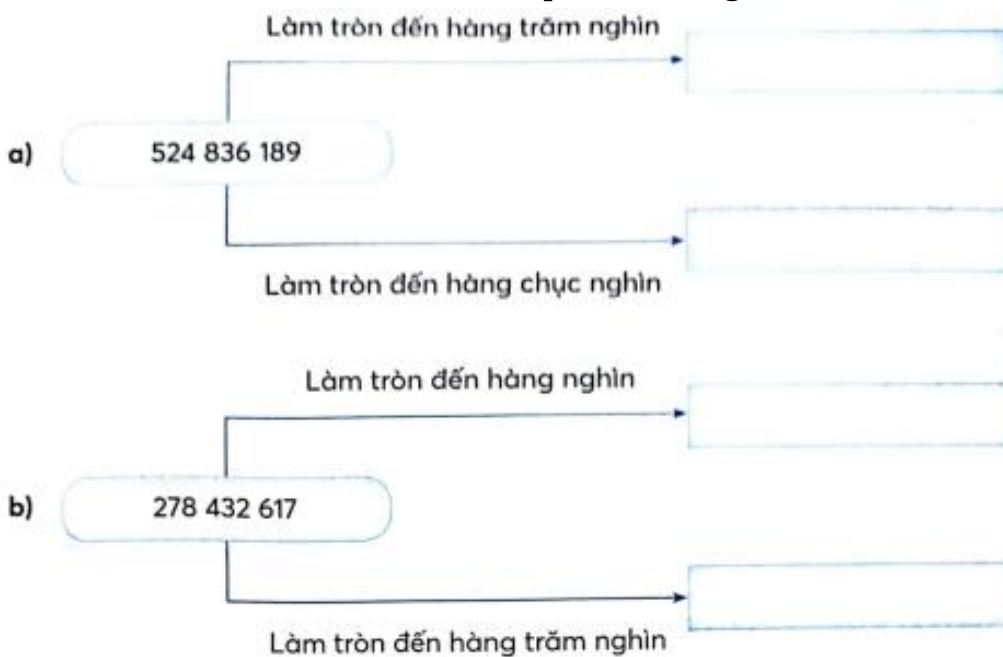
c) Giá trị của chữ số 3 là bao nhiêu?

- A. 3 000
- B. 3 000 000
- C. 300 000 000
- D. 3

8. Viết tên hàng và lớp của chữ số được gạch chân trong mỗi số (theo mẫu).



9. Làm tròn các số rồi viết số thích hợp vào ô trống.



10. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Số nào dưới đây là mật khẩu mở máy tính của Rô-bốt? Biết rằng nếu số đó làm tròn đến hàng trăm nghìn thì được 789 600 000, ở lớp đơn vị không chứa chữ số 0 và chữ số hàng nghìn khác 4.

- A. 789 562 410
- B. 789 660 421
- C. 789 564 321
- D. 789 562 321

ĐỀ 7

A YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- So sánh các số trong phạm vi lớp triệu.
- Nhận biết dãy số tự nhiên.

B ĐỀ ÔN LUYỆN

1. > ; < ; = ?

a) 436 872 217.....45 986 200 300 436 285.....301 100 231

58 244 766.....58 254 766 6 200 9996.....6 020 999

b) 534 000 987.....500 000 000 + 30 000 000 + 4 000 000 + 900 + 80 + 7

701 320 600.....700 000 000 + 10 000 000 + 300 000 + 20 000 + 600

2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Số lớn nhất trong các số 547 198 254, 549 817 254, 495 789 125, 538 974 125 là:

A. 547 198 254

B. 549 817 254

C. 495 789 125

D. 538 974 125

b) Số bé nhất trong các số 472 896 130, 472 900 999, 473 000 899, 472 799 100 là:

A. 472 896 130

B. 472 900 999

C. 473 000 899

D. 472 799 100

3. a) Viết các số 402 530 816, 420 987 120, 249 816 324, 420 713 816 theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Viết các số 73 510 876, 703 219 681, 370 888 349, 703 219 861 theo thứ tự từ lớn đến bé.

4. Chú Hùng, chú Dũng, chú Sơn và chú Phong mua bốn chiếc xe máy khác nhau với giá tiền như sau:



23 100 000 đồng



17 900 000 đồng



19 500 000 đồng



21 300 000 đồng

Biết chú Hùng mua xe rẻ nhất, chú Phong mua xe rẻ hơn xe chú Dũng mua nhưng đắt hơn xe chủ Sơn mua. Em hãy cho biết mỗi chú mua xe máy với giá tiền là bao nhiêu bằng cách hoàn thành bảng sau.

Tên	Chú Hùng	Chú Dũng	Chú Sơn	Chú Phong
Giá tiền xe đã mua				

5. Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

- a) $458\ 825\ 864 < 458\dots02\ 783$
- b) $972\ 581\ 602 = 9\dots2\ 581\ 602$
- c) $705\ 624\ 312 > 705\ 624\ 3\dots9$
- d) $27\dots613\ 802 > 278\ 975\ 143$

6. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

- a) 1998; 1999; 2 000; 2 001;.....;.....;.....;.....
- b) 2023; 2 025; 2 027; 2 029;.....;.....;.....;.....
- c) 54 230; 54 240; 54 250; 54 260;;.....;.....;.....
- d);.....;.....;.....;2 100; 2 200; 2 300; 2 400; 2 500.

7. Viết số thích hợp vào ô trống để được bốn số tự nhiên liên tiếp.

- a);34 266; 34 267;.....
- b) 1 825;.....;.....;1828
- c) 9 999;.....; 10 001;.....

8. Đ, S?

- ... a) Dãy số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6,... là dãy số tự nhiên.
- ... b) Dãy số 0, 2, 4, 6, 8, 10,... là dãy số tự nhiên.
- ... c) Trong dãy số tự nhiên, số lớn nhất là 1000 000 000.
- ... d) Hai số tự nhiên liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.

9. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- a) Giá trị của chữ số 2 trong số 482 518 100 là.....
- b) Giá trị của chữ số 0 trong số 726 502 193 là....
- c) Giá trị của chữ số 6 trong số 142 730 615 là
- d) Giá trị của chữ số 1 trong số 185 792 503 là.....

10. Số?

879 654 321; 798 562 410

Làm tròn hai số trên đến hàng trăm nghìn và hàng chục nghìn ta được bốn số. Viết bốn số tìm được theo thứ tự từ bé đến lớn.

ĐỀ 8

A. YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- So sánh, xếp thứ tự các số trong phạm vi lớp triệu.
- Các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn.

B ĐỀ ÔN LUYỆN

1. > ; < ; = ?

a) 24 513 876....4 978 521

333 300 230.....333 320 300

40 400 400....100 000 000

7 100 000.....1 700 000

b) 69 000 700.....600 000 000 + 9 000 000 + 700

1 200 050.....1 000 000 + 200 000 + 50

2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Trong các số dưới đây, số có chữ số 9 ở lớp triệu là:

A. 108 923 687

B. 290 543 328

C. 82 903 657

D. 753 765 901

b) Trong các số dưới đây, số có hai chữ số ở lớp nghìn là:

A. 210 244 398

B. 65 450 876

C. 98 674

D. 109 375

3. Làm tròn các số rồi hoàn thành bảng sau.

Số	Làm tròn đến hàng trăm nghìn	Làm tròn đến hàng chục nghìn
4 732 865		
63 269 114		
125 374 008		
311 826 712		

4. Nối số sản phẩm mà một nhà máy sản xuất được trong từng năm với năm thích hợp, biết số sản phẩm nhà máy đó làm được tăng dần qua từng năm.

Năm 2020		94 100 502 sản phẩm
Năm 2021		94 012 899 sản phẩm
Năm 2022		93 507 183 sản phẩm

Năm 2023		93 697 813 sản phẩm
----------	--	---------------------

5. Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

- a) $56\ 327\ 1\dots4 < 56\ 327\ 113$
- b) $9\dots00\ 400 = 9\ 000\ 000 + 600\ 000 + 400$
- c) $6\dots20\ 777 > 6\ 899\ 200$
- d) $30\ 350\ 001 > 3\dots350\ 000$

6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- a) 4 yến =kg
6 tạ =yến =kg
40 kg =yến
600 kg yến =yến =kg
- b) 6 tấn 12 kg =kg
7 tạ 7 kg =kg
3 tấn 7 tạ = tạ
2 tạ 1 yến =yến

7. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời phù hợp.

- a) Một con ngỗng trưởng thành cân nặng khoảng

- A. 1 kg
- B. 10 kg
- C. 100 kg
- D. 1000 kg

- b) Một con voi trưởng thành cân nặng khoảng:

- A. 3 kg
- B. 3 yến
- C. 3 tạ
- D. 3 tấn

8. Tính.

- a) $2\ 130\ \text{yến} + 547\ \text{yến} =$
- b) $342\ 576\ \text{kg} - 180\ 258\ \text{kg} =$
- c) $230\ \text{tấn} \times 7 =$
- d) $92\ 804\ \text{tạ} : 4 =$

9. Một cửa hàng bán vật liệu xây dựng, ngày thứ nhất bán được 12 tấn 500 kg xi măng, ngày thứ hai bán được nhiều hơn ngày thứ nhất là 5 tạ xi măng. Hỏi cả hai ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu tạ xi măng?

10. Tổ dân phố Nhà Bè muốn chuyển 18 bao gạo và 3 bao đỗ xanh để nhóm từ thiện nấu cháo miễn phí cho bệnh nhân trong bệnh viện. Một xe ba gác chở được tối đa 1 tấn hàng hoá. Hỏi có thể dùng xe ba gác như vậy để vận chuyển hết số gạo và đỗ xanh đó trong một chuyến được không? Biết mỗi bao gạo nặng 5 yến và mỗi bao đỗ xanh nặng 30 kg.

ĐỀ 9

A YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Các đơn vị đo diện tích: đề-xi-mét vuông, mét vuông, mi-li-mét vuông.
- Các đơn vị đo thời gian: giây, thế kỉ.

B ĐỀ ÔN LUYỆN

1. Hoàn thành bảng sau.

Đọc	Viết
Một trăm mười tám đề-xi-mét vuông	
	1245 m ²
Hai nghìn không trăm ba mươi sáu mét vuông	
	432 568 dm ²
Bốn triệu ba trăm linh hai nghìn năm trăm mét vuông	

2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 4 dm² =cm²

400 cm² =dm²

700 dm² =m²

7 m² =dm²

b) 3 dm² 5 cm² =cm²

18 dm² 30 cm² =cm²

5 m² 9 dm² =dm²

205 m² 25 dm² = dm²

3. >; <; =?

a) 3 dm² 8 cm² 38 cm²

25 dm² 15 cm² 2 515 cm²

124 dm² 29 cm² 125 dm²

208 dm² 80 cm² 20 808 cm²

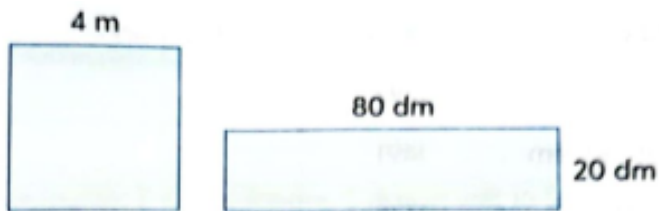
b) 6 m² 5 dm² 65 dm²

44 m² 4 dm² 4 444 dm²

202 m² 50 dm² 20 250 dm²

888 m² 80 dm² 88 800 dm²

4. Đ/ S?



.... a) Diện tích hình vuông lớn hơn diện tích hình chữ nhật.

.... b) Diện tích hình vuông bằng diện tích hình chữ nhật.

5. Người ta dùng 400 viên gạch vuông có cạnh 3 dm vừa đủ để lát sàn một căn phòng hình vuông. Hỏi diện tích căn phòng đó là bao nhiêu mét vuông? (Biết diện tích phần mạch vữa không đáng kể.)

6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $5 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{mm}^2$

$3 \text{ cm}^2 1 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{mm}^2$

$400 \text{ mm}^2 \dots\dots\dots \text{cm}^2$

$10 \text{ cm}^2 40 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{mm}^2$

b) 5 phút = giây

6 thế kỉ = năm

300 giây = phút

900 năm =thế kỉ

7. Viết cách đọc các số đo để hoàn thành bảng sau.

Viết	
25 mm^2	
576 mm^2	
1081 mm^2	
$20\,888 \text{ mm}^2$	

8. Hoàn thành bảng.

Tên nhà giáo	Năm sinh	Năm sinh thuộc thế kỉ nào?
Chu Văn An	1292	
Nguyễn Bình Khiêm	1491	
Lê Quý Đôn	1726	
Nguyễn Đình Chiểu	1822	

9. Đọc bảng ghi kết quả chạy 200 m của bốn bạn Long, Khánh, Kiên, Minh dưới đây rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Bạn	Long	Khánh	Kiên	Minh
Thời gian chạy	65 giây	1 phút 10 giây	57 giây	1 phút 3 giây

Bạn.....chạy nhanh nhất. Bạn..... chạy chậm nhất.

Bạn.....chạy chậm hơn bạn..... nhưng lại chạy nhanh hơn bạn Long

10. Tìm các năm của thế kỉ XXI có tổng các chữ số ở hàng nghìn và hàng trăm bằng tổng các chữ số ở hàng chục và hàng đơn vị.

TỰ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

1. Đ, S ?

- a) Số gồm 5 chục nghìn, 5 nghìn, 5 trăm, 5 đơn vị viết là 55 555.
- b) Số liền sau của 79 999 là 80 000.
- c) Dãy số 1, 2, 3, 4, 5, 6,... là dãy số tự nhiên.
- d) Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.

2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Số lớn nhất trong các số: 56 213, 65 322, 56 312, 65 232 là:

- A. 56 213
- B. 65 322
- C. 56 312
- D. 65 232

b) Số lẻ bé nhất có sáu chữ số khác nhau là:

- A. 123 456
- B. 111 111
- C. 102 345
- D. 100 000

c) Làm tròn số 374 591 đến hàng trăm nghìn ta được số

- A. 370 000
- B. 375 000
- C. 300 000
- D. 400 000

d) Giá trị của chữ số 7 trong số 672 489 là:

- A. 700 000
- B. 72 489
- C. 70 000
- D. 7 000

3. Số ?

- a) 64 175; 64 176;.....; 64 178;.....;.....
 b) 95 022; 95 024; 95 026;..... ;..... ;.....
 c) 251 260; 251 270; 251 280;..... ;..... ;.....

4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- a) 7 yến =kg
 60 tạ =tấn
 2 tấn 13 kg =kg
 5 tạ 4 yến =yến
 b) $5 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$
 $300 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$
 $4 \text{ cm}^2 \text{ } 20 \text{ mm}^2 = \dots\dots\dots \text{mm}^2$
 $15 \text{ m}^2 \text{ } 8 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$
 5. Nối mỗi biểu thức với giá trị của biểu thức đó.

$13\ 000 + 10\ 000 \times 2$	$(62\ 108 + 29\ 092) : 3$	$9\ 565 + 10\ 245 \times 3$
------------------------------	---------------------------	-----------------------------

43 000	34 000	33 000	44 000	40 300	30 400
--------	--------	--------	--------	--------	--------

$(33\ 135 - 24\ 635) \times 4$	$81\ 064 - 76\ 128 : 2$	$21\ 500 \times 3 - 20\ 500$
--------------------------------	-------------------------	------------------------------

6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Trong hình vẽ bên có:

- a).....góc nhọn;
 b).....góc vuông;
 c).....góc tù.



7. Tại một cửa hàng tạp hoá bán 1 kg gạo tẻ với giá là 18 500 đồng, 1 kg gạo nếp với giá là 23 000 đồng. Cô Hoa đã mua 6 kg gạo tẻ và 2 kg gạo nếp tại cửa hàng đó. Hỏi cô Hoa mua gạo tẻ và gạo nếp hết tất cả bao nhiêu tiền?

8. Viết chữ số thích hợp vào ô trống

- a) $612\ 489\ 571 > 6\dots9\ 883\ 507$
 b) $1\dots3\ 984\ 325 = 103\ 984\ 325$
 c) $418\ 812\ 576 < 418\dots03\ 259$
 d) $333\ 111\dots00 > 333\ 111\ 888$

ĐỀ 10

A YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Các đơn vị đo thời gian: giây, thế kỉ và quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian đã học.
- Các đơn vị đo đã học.

B ĐỀ ÔN LUYỆN

1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 3 ngày =giờ

21 ngày =tuần

2 giờ 30 phút =phút

b) 180 phút =giờ

10 phút 30 giây =giây

300 giây =phút

2. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Đại lễ kỉ niệm 1000 năm Thăng Long – Hà Nội được tổ chức vào năm 2010, đánh dấu tròn 1.000 năm kể từ khi vua Lý Thái Tổ ban Chiếu dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La và đổi tên thành Thăng Long, nay là Hà Nội. Vua Lý Thái Tổ ban Chiếu dời đô vào thế kỉ

3. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời phù hợp.

a) Thời gian bay từ thủ đô Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh khoảng bao lâu?

A. 2 phút

B. 2 giờ

C. 2 ngày

D. 2 tuần

b) Thành tích chạy cự li 100 m của một vận động viên điền kinh khoảng bao nhiêu?

A. 11 giây

B. 11 phút

C. 11 giờ

D. 11 ngày

4. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng. Một tấm gỗ mỏng có dạng hình chữ nhật với chiều dài 10 m và chiều rộng 6 m. Người ta khoét một mảnh gỗ dạng hình chữ nhật để còn lại tấm gỗ như hình bên. Tính diện tích tấm gỗ còn lại.

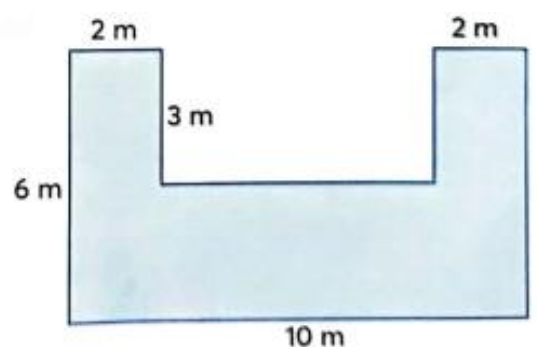
A. 40 m²

B. 56 m²

C. 42 m²

D. 50 m²

5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.



Trong bức tranh trên, biết cá sấu nặng 5 tạ, khỉ nặng 1 yến và chim nặng 1 kg. Vậy bè chở.....kg

6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $5 \text{ m}^2 = \dots \text{ dm}^2$

$900 \text{ dm}^2 = \dots \text{ m}^2$

b) $400 \text{ dm}^2 = \dots \text{ m}^2$

$1000 \text{ dm}^2 = \dots \text{ m}^2$

c) 2 tạ 20 kg = kg

7 yến 5 kg =kg

d) 3 tấn 5 tạ = kg

3 000 kg = tấn

7. Cô Hoa bế một em bé đứng lên cân thì cân chỉ 59 kg. Chú Dũng bế em bé đó đứng lên cân thì cân chỉ 72 kg. Khi cô Hoa đứng lên cân thì cân chỉ 50 kg. Đố em biết, chú Dũng nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

8. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Chú Hải muốn đổi một tờ tiền có mệnh giá 50 000 đồng thành các tờ tiền có mệnh giá là 5 000; 10 000 đồng và 20 000 đồng.

a) Nếu một cách đổi phải có đủ ba loại tiền có mệnh giá trên thì chú Hải có các cách đổi tiền khác nhau là:.....

b) Nếu một cách đổi không nhất thiết có đủ ba loại tiền có mệnh giá trên thì chú Hải có thêm các cách đổi tiền khác nhau ngoài các cách đã có ở câu a là:....

9. Viết câu trả lời thích hợp vào chỗ chấm.

Một người thu ngân đếm được có 30 tờ tiền với hai loại mệnh giá 1.000 đồng và 5 000 đồng với tổng giá trị là 95 000 đồng. Rô-bốt khẳng định người thu ngân đã đếm sai. Đố em biết, tại sao Rô-bốt lại khẳng định như vậy?

ĐỀ 11

A YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Phép cộng các số có nhiều chữ số.
- Phép trừ các số có nhiều chữ số.

B ĐỀ ÔN LUYỆN

1. Đặt tính rồi tính.

a) $362\,390 + 523\,400$ $420\,578 + 189\,403$

b) $882\,630 - 32\,310$ $628\,292 - 291\,390$

2. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng. Trong một kì thi có 300 500 bài thi. Điểm của tất cả các bài thi đều được làm tròn thành số tự nhiên theo thang điểm 10. Biết rằng 180 400 bài thi có kết quả dưới 8 điểm, 53 900 bài thi có kết quả trên 8 điểm và 40 500 bài thi đạt điểm 9.

a) Có bao nhiêu bài thi đạt điểm 10?

- A. 126 500 bài thi
- B. 13 400 bài thi
- C. 66 200 bài th
- D. 25 700 bài thi

b) Có bao nhiêu bài thi đạt điểm 8?

- A. 66 200 bài thi
- B. 126 500 bài thi
- C. 3 400 bài thi
- D. 25 700 bài thi

3. Việt thực hiện phép cộng một số với 137 279. Tuy nhiên, ĐỀ viết nhầm dấu cộng thành dấu trừ nên Việt nhận được kết quả sai là 192 430. Hỏi kết quả đúng của phép tính đó bằng bao nhiêu?

4. Viết chữ số thích hợp vào ô trống.

a) $\begin{array}{r} \square 8 9 \square 2 9 \\ - 2 7 2 9 8 \square \\ \hline 2 1 \square 2 4 8 \end{array}$	b) $\begin{array}{r} 3 5 2 9 \square 1 \\ - \square 8 2 \square 3 0 \\ \hline 1 \square 0 4 9 1 \end{array}$
---	---

5. Viết số thích hợp chỗ chấm.

Mai viết số 5 432 112 345 lên bảng, sau đó xóa đi bốn chữ số bất kì để thu được một số có sáu chữ số.

a) Số lớn nhất mà Mai có thể nhận được sau khi xóa là

Số bé nhất mà Mai có thể nhận được sau khi xóa là.....

b) Tổng của hai số tìm được ở câu a bằng.....

6. Sau khi mua hàng, chú Sơn đưa cho người thu ngân một tờ tiền 500 000 đồng để thanh toán. Vì người thu ngân không có đủ tiền lẻ để trả lại nên chú Sơn đã đưa thêm cho người thu ngân một tờ tiền 2 000 đồng. Sau đó, người thu ngân trả lại cho chú Sơn 75 000 đồng thì vừa đủ. Hỏi chú Sơn mua hàng hết bao nhiêu tiền?

7. Một khu đất có diện tích 550 000 m² được quy hoạch để xây dựng công viên. Trên khu đất đó, người ta đào hai cái hồ, với diện tích lần lượt là 85 000 m² và 105 000 m².

Diện tích đất còn lại được sử dụng để trồng cây xanh và làm các công trình trên cạn.

Tính diện tích đất được sử dụng để trồng cây xanh và làm các công trình trên cạn.

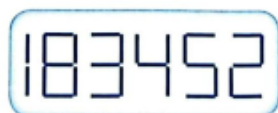
8. Em hãy giải ô số bằng cách tính giá trị của các biểu thức bên cạnh (theo mẫu) để tìm ra một ngày đặc biệt của người dân Việt Nam. 2 2 3 3 1

2	2	3	3	1	$425\,372 - 403\,041$
					$371 + 652$
					$527\,350 - 162\,216$
					$628 + 382$
					$26\,271 - 16\,307$
					$32\,182 + 21\,490$
					$1\,000 - 500$

Giải ô số, em tìm được một ngày đặc biệt của người dân Việt Nam là ngày.

9. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Bạn Nam dùng các que tính để xếp thành số 183 452 như hình dưới đây:



a) Di chuyển một que tính sao cho vẫn được một số có sáu chữ số. Khi đó:

Số lớn nhất có thể nhận được là.....

Số bé nhất có thể nhận được là

b) Tổng của hai số tìm được ở câu a bằng.....

Hiệu của hai số tìm được ở câu a bằng.....

ĐỀ 12

A YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

- Giải các bài toán liên quan đến tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.

B ĐỀ ÔN LUYỆN

1. Nối hai biểu thức có giá trị bằng nhau.

$352 + 120 + 80$	$50 + 25 + 75$	$80 + 32 + 200$
------------------	----------------	-----------------

$80 + 200 + 32$	$120 + 352 + 80$	$75 + 25 + 50$
-----------------	------------------	----------------

2. Tính bằng cách thuận tiện.

a) $47 + 75 + 25$ b) $527 + 79 + 473$ c) $22 + 24 + 26 + 28$ d) $73 + 281 + 27 + 719$

3. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Bác Vân đem 500 000 đồng đi chợ. Bác mua thịt hết 142 000 đồng, mua hoa quả hết 75 000 đồng và mua các vật dụng khác hết 58 000 đồng. Hỏi bác Vân còn lại bao nhiêu tiền?

A. 283 000 đồng B. 225 000 đồng

C. 300 000 đồng D. 250 đồng

4. Cho biết $x + 328 = 640$ và $640 + y = 1000$. Không tìm x và y , em viết ngay giá trị của các biểu thức sau:

a) $x + 328 + y$ b) $328 + x + y$ c) $x + 328 + 640 + y$ d) $328 + x + y + 640$

5. Tính giá trị của biểu thức.

$45 + 46 + 47 + 48 + 49 + 50 + 51 + 52 + 53 + 54 + 55$

6. a) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Hai số chẵn liên tiếp có tổng bằng 150. Hai số đó là:

A. 70 và 80 B. 76 và 78 C. 74 và 76 D. 64 và 66

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Hai số lẻ liên tiếp có tổng bằng 200. Số bé là..... Số lớn là.....

7. Khi bố 32 tuổi thì Nam 5 tuổi. Hiện nay, tổng số tuổi của hai bố con Nam là 53. Tính tuổi của Nam hiện nay.

8. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Một hình chữ nhật có chu vi là 100 cm và chiều dài hơn chiều rộng 10 cm. Diện tích hình chữ nhật đó là:

A. 2 475 cm² B. 1238 cm² C. 600 cm² D. 1200 cm²

9. Hai thùng đựng tất cả 200 quả cam. Rô-bốt chuyển 20 quả cam từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì lúc này, thùng thứ hai có nhiều hơn thùng thứ nhất 10 quả cam. Hỏi ban đầu mỗi thùng có bao nhiêu quả cam?

ĐỀ 13

A YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về

- Phép cộng, phép trừ các số có nhiều chữ số.
- Tính chất giao hoán, tính chất kết hợp của phép cộng, quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.
- Giải các bài toán liên quan đến tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.
- Hai đường thẳng vuông góc.

B ĐỀ ÔN LUYỆN

1. a) Tính nhẩm.

$$2\,000\,000 + 300\,000 - 1000\,000$$

$$500\,000 + 700\,000 - 1\,000\,000$$

b) Đặt tính rồi tính.

$$382\,584 - 272\,901$$

$$627\,170 + 281\,925$$

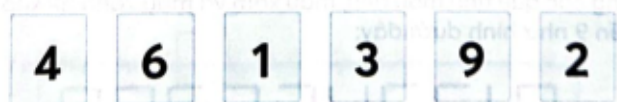
2. Tính bằng cách thuận tiện.

$$a) 62\,389 + 4\,402 - 20\,389$$

$$b) 83\,268 + 15\,739 + 16\,732$$

3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho số 461 392 được ghép từ 6 thẻ số như hình dưới đây:



Mỗi lượt chỉ đổi chỗ hai tám thẻ sao cho vẫn được một số có sáu chữ số.

a) Cần đổi chỗ ít nhất..... lượt để được số lớn nhất có thể.

Số lớn nhất đó là.....

Từ số 461 392 cần đổi chỗ ít nhất..... lượt để được số bé nhất có thể.

Số bé nhất đó là.....

b) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất tìm được ở câu a bằng.....

4. Đ/ S?

Mai, Nam và Việt gấp được 100 con hạc giấy. Biết rằng, Việt gấp được nhiều hơn Nam 6 con hạc giấy và tổng số con hạc giấy Việt và Nam gấp được bằng số con hạc giấy Mai gấp được.

- a) Việt gấp được 50 con hạc giấy.
- b) Mai gấp được 28 con hạc giấy.
- c) Nam gấp được 22 con hạc giấy.
- d) Mai gấp được nhiều hơn Nam 22 con hạc giấy.

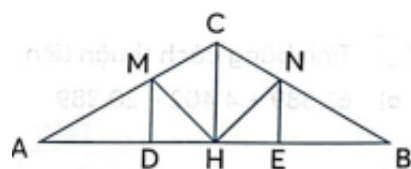
5. Tính bằng cách thuận tiện.

$$30 + 35 + 40 + 45 + 50 + 55 + 60 + 65 + 70$$

6. Cho hình vẽ bên.

a. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Có bao nhiêu đoạn thẳng vuông góc với đoạn thẳng AB?



A. 3 B. 4 C. 5

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp. Đoạn thẳngvuông góc với đoạn thẳng HM.

7. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Em Mi dùng các que tính màu đen, màu xám và màu xanh để xếp thành các chữ số từ 0 đến 9 như hình dưới đây:



a) Các chữ số có que tính màu đen được xếp vuông góc với que tính màu xám là:...

b) Các chữ số có que tính màu đen và màu xanh được xếp vuông góc với que tính màu xám là:....

c) Chữ số có nhiều cặp que tính vuông góc với nhau nhất là:.....

8. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.



Hình A



Hình B

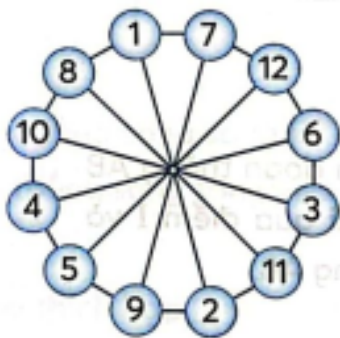


Hình C

Trong các hình trên, những hình có cặp cạnh vuông góc là:.....

9. Số?

Các bạn Việt, Nam, Mai và Rô-bốt đang ngồi ở các ca-bin khác nhau của một chiếc đu quay hình tròn và được ghi số như hình vẽ.



Biết rằng

- Rô-bốt ngồi ở ca-bin ghi số 1;

- Các thanh nan hoa qua tâm hình tròn nối hai ca-bin mà Nam và Rô-bốt ngồi vuông góc với thanh nối hai ca-bin mà Việt và Mai ngồi; – Số ghi ở ca-bin mà Việt ngồi bé hơn số ghi ở ca-bin mà Mai ngồi.

Vậy:

a) Nam ngồi ở ca-bin ghi số:.....

c) Việt ngồi ở ca-bin ghi số :.....

d) Mai ngồi ở ca-bin ghi số:.....

ĐỀ 14

A YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Vẽ hai đường thẳng vuông góc bằng thước thẳng và ê ke.
- Hai đường thẳng song song.

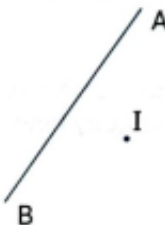
B ĐỀ ÔN LUYỆN

1. Vẽ đường thẳng CD đi qua điểm I và vuông góc với đường thẳng AB cho trước trong từng trường hợp sau.

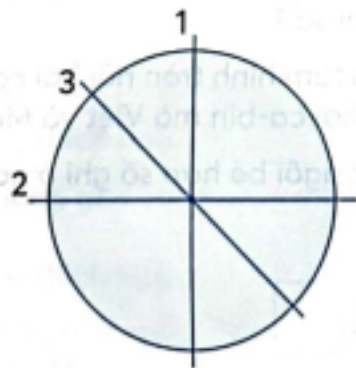
a)



b)



2. Xác định trung điểm I của đoạn thẳng AB rồi vẽ đường thẳng CD đi qua điểm I và vuông góc với đường thẳng AB.



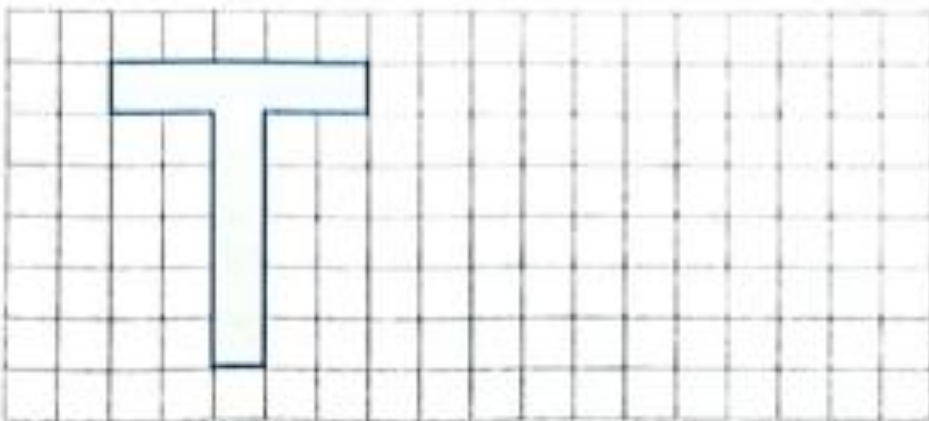
3. Một cái bánh pi-da hình tròn được cắt theo ba đường thẳng như hình dưới đây.

a) Hãy vẽ đường thẳng số 4 đi qua tâm hình tròn và vuông góc với đường thẳng số 3.

b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cắt cái bánh theo đường thẳng số 4 thì cái bánh được chia thành phần.

4. Vẽ hình (theo mẫu).



5. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Các chữ cái được vẽ bằng các nét như hình vẽ dưới đây.

KETNOI

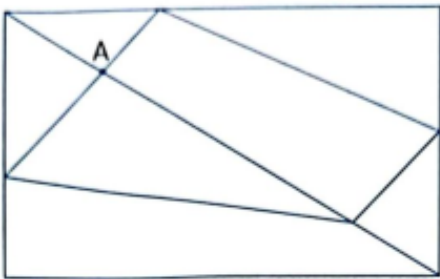
Trong các chữ cái trên:

- Các chữ cái có các đường thẳng song song là.....
 - Chữ cái vừa có các đường thẳng song song vừa có các đường thẳng vuông góc là.....
6. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Trong hình trên:

- Các cạnh song song với cạnh EG là.....
- Các cạnh song song với cạnh DL là
- Các cạnh vuông góc với cạnh EG là.....

7. Trong hình dưới đây, mỗi đoạn thẳng trong hình thể hiện một đoạn đường và gà trống ở vị trí điểm A.



Đánh dấu vị trí của mèo mướp bằng cách vẽ một điểm B vào hình vẽ, biết rằng:

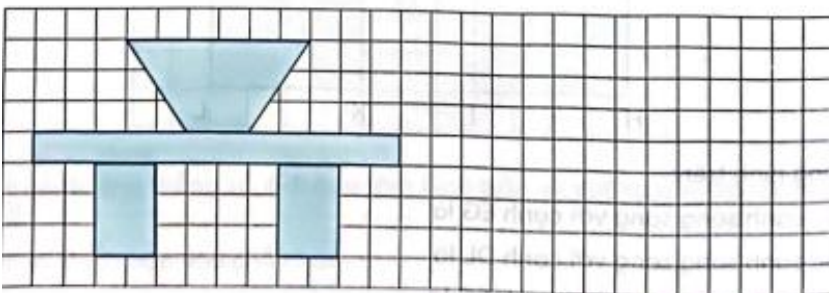
- Mèo mướp đứng ở con đường song song với đoạn đường mà gà trống đang đứng;
- Có đoạn đường nối từ vị gà trống đến vị trí mèo mướp.

8. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp (theo gợi ý).



Gợi ý: Trong hình chậu hoa, các cạnh song song là đáy và các miệng chậu hoa. Trong hình cái thang, các cạnh song song là:.....

9. Vẽ hình (theo mẫu).



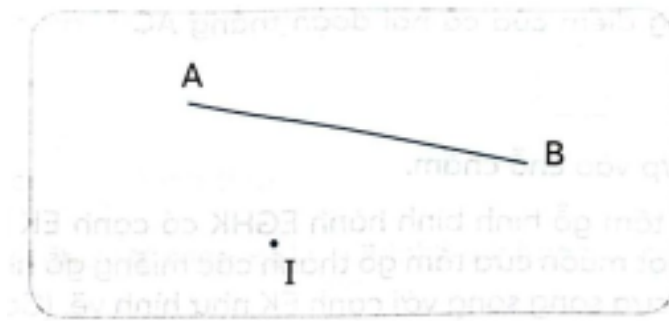
A. YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Hai đường thẳng song song, vuông góc và vẽ các đường thẳng song song, vuông góc bằng thước thẳng và ê ke.
- Hình bình hành, hình thoi và một số vấn đề liên quan đến vẽ hình, lắp ghép, tạo lập hình gắn với các hình phẳng đã học.

B. ĐỀ ÔN LUYỆN

1. a) Qua điểm I, vẽ đường thẳng CD song song với đường thẳng AB. Qua điểm I, vẽ đường thẳng HK vuông góc với đường thẳng AB.



b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp
Đường thẳng CD..... với đường thẳng HK.

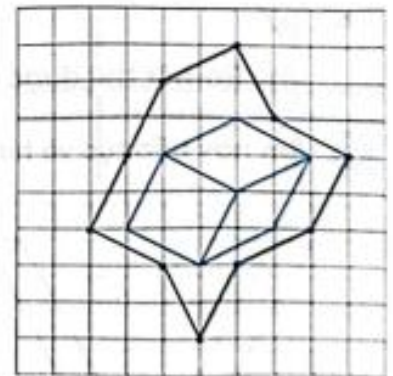
2. a) Số?

Trong hình bên có.....hình thoi.

b) Đ/ S?

... Trong hình bên có hai đoạn thẳng màu đen vuông góc với nhau.

c) Em hãy tìm 4 điểm màu xanh trong hình bên rồi nối lại để tạo thành một hình bình hành.

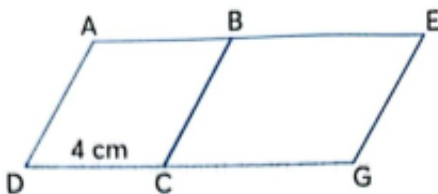


3. Đ/S?

... a) Hình tứ giác có bốn cạnh bằng nhau là hình thoi.

... b) Hình tứ giác có bốn cạnh bằng nhau là hình vuông.

4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

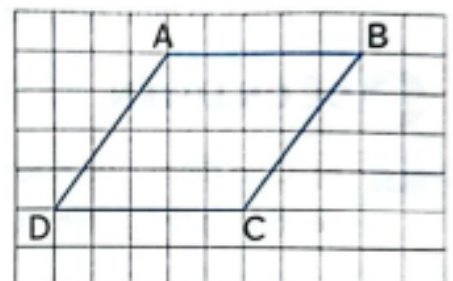


Cho ABCD là hình thoi và AEGD là hình bình hành (như hình vẽ trên). Biết đoạn thẳng DC dài 4 cm, vậy đoạn thẳng EG dài cm.

5. Cho hình bình hành ABCD như hình bên.

a) Vẽ hai đường chéo AC và BD cắt nhau tại điểm M.

b) Vẽ hình bình hành DMNC.



c) Đ/S?

... Điểm M là trung điểm của cả hai đoạn thẳng AC và BD.

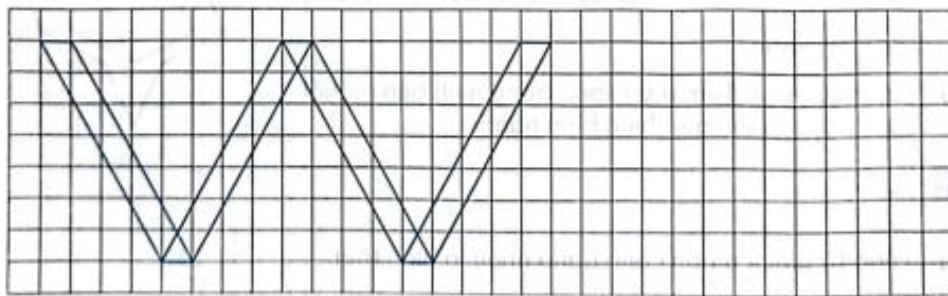
6. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Rô-bốt có một tấm gỗ hình bình hành EGHK có cạnh EK bằng 3 dm, cạnh EG bằng 5 m. Rô-bốt muốn cưa tấm gỗ thành các miếng gỗ hình thoi có cạnh 3 dm bằng các nhát cưa song song với cạnh EK như hình vẽ. (Coi độ dày của vết cưa là không đáng kể.)



Vậy Rô-bốt thu được nhiều nhất là.....miếng gỗ hình thoi

7. Em hãy tiếp tục vẽ hình theo quy luật rồi tô màu trang trí hình vẽ được



ĐỀ 16

A. YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Hai đường thẳng song song, vuông góc, hình bình hành, hình thoi và một số vấn đề liên quan đến về hình, lắp ghép, tạo lập hình gắn với các hình phẳng đã học.
- Cấu tạo số, hàng và lớp, so sánh, sắp xếp, làm tròn, phép cộng, phép trừ và các bài toán thực tế liên quan đến các số trong phạm vi lớp triệu.

B. ĐỀ ÔN LUYỆN

1. a) Tô màu vào hình thoi có trong hình vẽ bên

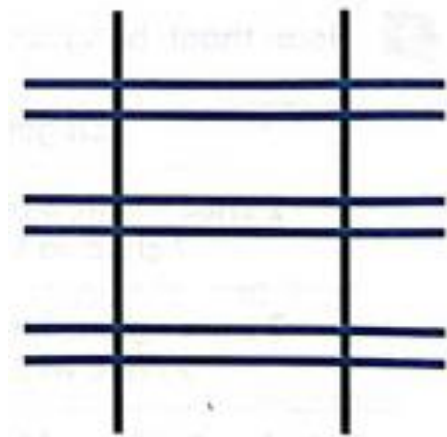
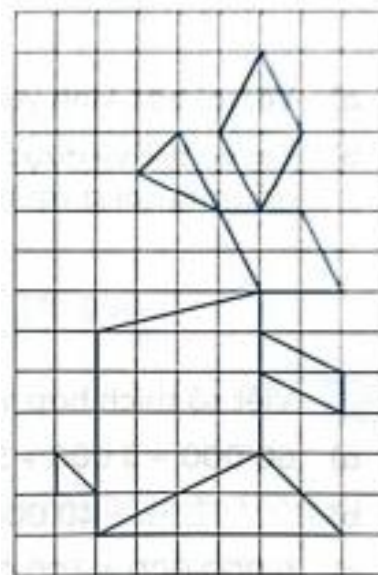
b) Số?

Trong hình bên có.....hình thoi.

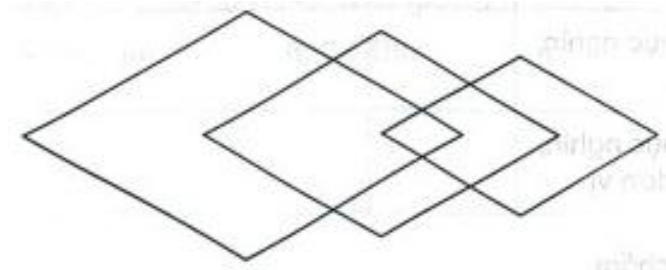
Trong những hình chưa tô màu, có.....hình bình hành

2. Số?

Bạn Tâm xếp các que tính giống các ống tre trong tiết mục nhảy sạp như hình bên. Bạn Tâm đã xếp.....cặp qua tính vuông góc với nhau.

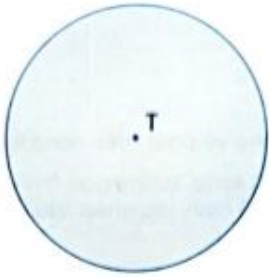


3. Số?



Hình vẽ trên có tất cả.....hình thoi.

4. Cho hình tròn tâm I



- a) Vẽ hai bán kính vuông góc với nhau của hình tròn đã cho.
 b) Em có thể vẽ được hai đường kính của hình tròn đã cho sao cho hai đường kính đó song song với nhau hay không? Tại sao?

5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- a) $60\,000 + 3\,000 + 500 + \dots + 8 = 63\,588$
 b) $\dots + 40\,000 + 400 + 70 + 1 = 940\,471$
 c) $6\,000\,000 + 400\,000 + \dots + 10 + 6 = 6\,480\,016$

6. Hoàn thành bảng sau (theo mẫu).

Số gồm	Viết số	Đọc số
2 chục nghìn, 3 nghìn, 7 trăm, 7 chục và 1 đơn vị	23 771	hai mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi một
7 trăm nghìn, 3 nghìn, 8 trăm, 2 chục và 5 đơn vị		
4 triệu, 8 trăm nghìn, 2 chục nghìn, 3 nghìn, 9 chục		
8 triệu, 1 trăm nghìn, 4 chục nghìn, 2 nghìn, 8 trăm và 6 đơn vị		

7. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

Cho biết diện tích của khu vực Đông Nam Á là 4 545 792 km. Làm tròn đến hàng trăm, ta nói diện tích của khu vực Đông Nam Á khoảng ... km.

8. Tháng trước, bác Lê nhận được 8 576 000 đồng tiền lương từ công việc chính ở bưu điện và thêm 3 500 000 tiền làm thêm ngoài giờ. Trong tháng đó, bác đã chi tiêu hết tất cả 7 600 000 đồng, số tiền còn lại bác dùng để tiết kiệm. Hỏi tháng trước, bác Lê đã tiết kiệm được bao nhiêu tiền?

9. Số?



10. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Bốn người tham gia trò chơi “Đoán giá”. Quy tắc để chọn người chiến thắng là:

- Giá đoán của người chiến thắng phải thấp hơn giá đúng của mặt hàng;
- Giá đoán của người chiến thắng phải gần nhất với giá đúng của mặt hàng so với giá đoán của những người khác.

Bốn người chơi đưa ra dự đoán giá của một chiếc máy giặt như trong bảng sau:

Người chơi	Bác An	Cô Thu	Anh Hùng	Cô Linh
Giá dự đoán (đồng)	9 600 000	10 600 000	12 100 000	10 950 000

Biết giá đúng của chiếc máy giặt là 11 490 000 đồng. Hỏi ai là người chiến thắng?

- A. Bác An
- B. Cô Thu
- C. Anh Hùng
- D. Cô Linh

ĐỀ 17

A YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi lớp triệu và các bài toán thực tế liên quan.
- Góc nhọn, góc vuông, góc tù; đo góc và đơn vị đo góc.
- Hình bình hành, hình thoi và một số vấn đề liên quan đến vẽ hình, lắp ghép, tạo lập hình gắn với các hình phẳng đã học.

B ĐỀ ÔN LUYỆN

1. > ; < ; = ?

a) $2\,600\,000 (300\,000 + 250\,000) \dots 4\,000\,000 + 5\,000\,000 - 7\,000\,000$

b) $25\,540 - 17\,038 + 20 \dots 8\,000 + 520 + 2$

2. Tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện.

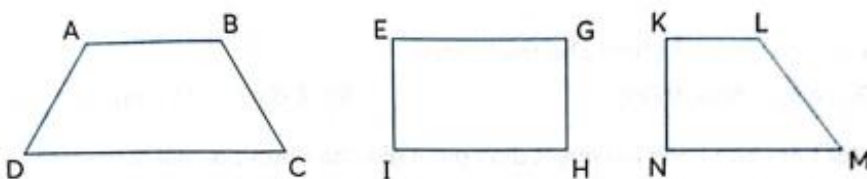
$34\,680 + 8\,150 + 12\,320 - 7\,150$

3. Một kì thủ cờ vây trong sự nghiệp thi đấu có tất cả 5 330 trận đấu thắng và thua. Số trận thắng nhiều hơn số trận thua 1 070 trận. Hỏi trong sự nghiệp thi đấu, kì thủ cờ vây đó đã thắng bao nhiêu trận và thua bao nhiêu trận?

4. Xe tải của bác Tài không chở quá 34 tấn và xếp được không quá hai kiện hàng hoá để đảm bảo an toàn. Bác Tài muốn chở được khối lượng hàng hoá nhiều nhất có thể. Cân nặng của bốn kiện hàng được cho như dưới đây. Hãy tô màu vào hai ô ghi cân nặng của hai kiện hàng mà bác Tài muốn chở.

21 050 kg	18 570 kg	14 400 kg	15 000 kg
-----------	-----------	-----------	-----------

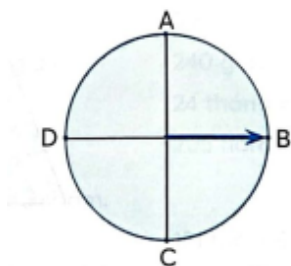
5. Cho các hình tứ giác sau:



a) Viết tên của hình tứ giác có nhiều góc nhọn nhất:

b) Tô màu vào hình tứ giác có cả góc vuông, góc tù và góc nhọn.

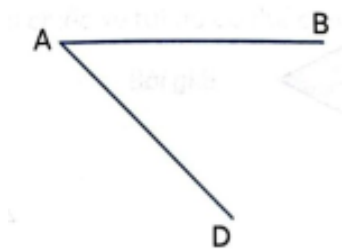
6. Một chiếc vòng quay hình tròn, có gắn một mũi tên có thể quay quanh tâm của hình tròn. Mũi tên đang chỉ vào điểm B như hình vẽ.



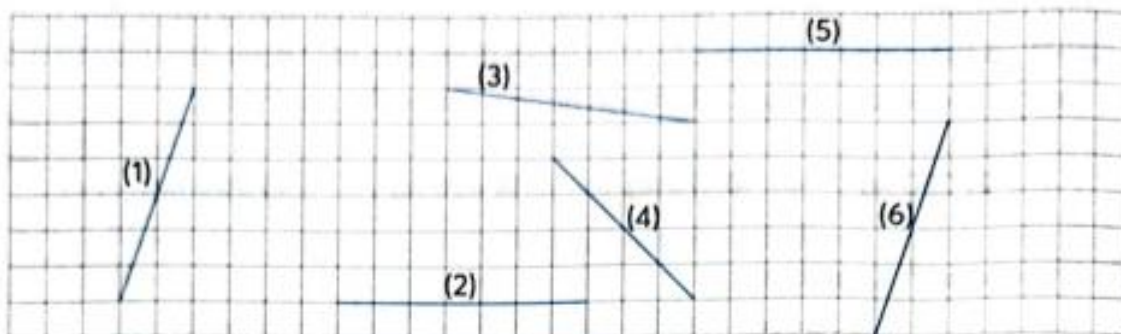
Để mũi tên chỉ vào điểm D thì phải quay mũi tên bao nhiêu độ?

- A. 0° B. 60° C. 90° D. 180°

7. Vẽ thêm vào hình dưới đây để được hình thoi ABCD.



8. Cho các đoạn thẳng được đánh số (1), (2), (3), (4), (5), (6) như hình vẽ sau:



Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Ghép các đoạn thẳng.....ta sẽ được một hình bình hành.

9. Một tiệm bán khăn lụa quyết định giảm giá cho những ai giải được một câu đố.

Câu đố như sau: “Chiếc khăn hình tam giác rẻ nhất. Chiếc khăn hình thoi đắt nhất. Chiếc khăn hình tròn rẻ hơn chiếc khăn hình bình hành. Hãy tìm giá tiền của mỗi chiếc khăn đó.” Em hãy giải câu đố của tiệm bán khăn lụa đó bằng cách nối mỗi chiếc khăn với giá tiền của chiếc khăn đó.



312 600 đồng	240 100 đồng	195 000 đồng	267 500 đồng
--------------	--------------	--------------	--------------



ĐỀ 18

A YÊU CẦU

Ôn luyện kiến thức, kĩ năng và phát triển năng lực về:

- Các đơn vị đo đại lượng (khối lượng, diện tích, thời gian) đã học ở học kì 1.
- Số có nhiều chữ số; phép cộng, phép trừ số có nhiều chữ số, phép nhân, chia số trong phạm vi lớp triệu, vận dụng tính giá trị của biểu thức, giải bài toán có ba bước tính.
- Các kiến thức về hình học phẳng đã học trong học kì 1: góc và đơn vị đo góc, hai đường thẳng song song, vuông góc, hình thoi và hình bình hành.

B ĐỀ ÔN LUYỆN

1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 1 tấn =yến =kg

8 tạ 6 kg =kg

10 yến =tạ

1060 kg =tấn =kg

b) $9 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{mm}^2$

$4 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

$6 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

$5 \text{ m}^2 6 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

c) 1 phút 15 giây =giây

3 ngày =giờ

2 thế kỉ =năm

240 giây =phút

24 tháng =năm

205 năm =thế kỉ =năm

2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) $7 \text{ tạ} + 8 \text{ tạ} = \dots\dots\dots \text{tạ}$

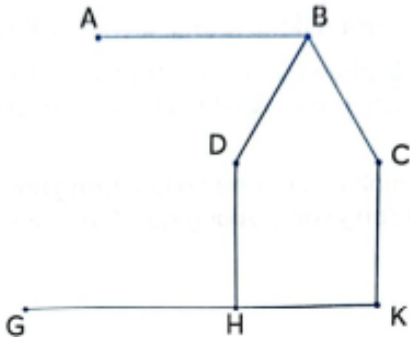
$121 \text{ tấn} - 64 \text{ tấn} = \dots\dots\dots \text{tấn}$

b) $251 \text{ mm}^2 \times 4 = \dots\dots\dots \text{mm}^2$

$1024 \text{ dm}^2 : 4 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

3. Một cây cầu đã cũ và chỉ chịu được tổng cân nặng trên mặt cầu lớn nhất là 8 tấn. Chiếc xe tải thứ nhất nặng 34 tạ và chở 11 tạ (bao gồm cả người và hàng hoá trên xe). Chiếc xe tải thứ hai nặng 25 tạ và chở 6 tạ (bao gồm cả người và hàng hoá trên xe). Hỏi hai chiếc xe tải đó có thể cùng lúc đi qua cầu được không?

4. Cho hình vẽ sau:



a) Qua điểm D, em hãy vẽ đường thẳng song song với đường thẳng GK. Qua điểm G, em hãy vẽ đường thẳng vuông góc với đường thẳng GK.

b) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Hai đường thẳng vừa vẽ ở câu a cắt nhau tại điểm E. Dùng thước đo góc, em đo được số đo của góc đỉnh E; cạnh ED/ EG bằng

c) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

Nối E với A, ta được tứ giác ABDE là hình gì?

A. Hình thoi

B. Hình chữ nhật

C. Hình vuông

D. Hình bình hành

5. $>$; $<$; $=$?

a) 3 tấn 219 kg.....8 400 kg: 2

b) 8 cm^2 25 mm^2 $317 \text{ mm}^2 + 508 \text{ mm}^2$

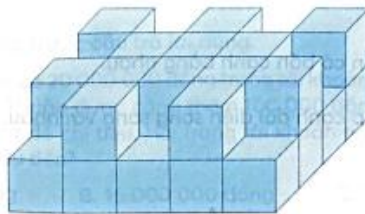
6. Tính giá trị của biểu thức.

a) $360\ 080 : (72 - 68) + 1\ 000\ 147$

b) $(5\ 123 + 1\ 047) \times 5 - 16\ 721$

7. Mỗi ngày ở trại trẻ mồ côi, cô Hồng nấu 459 suất canh nấm và canh bí đỏ. Số suất canh nấm ít hơn số suất canh bí đỏ là 153 suất. Hỏi mỗi ngày, cô Hồng nấu bao nhiêu suất canh nấm và bao nhiêu suất canh bí đỏ?

8. Số?



Hình A

Xếp các khối lập phương nhỏ như nhau thành hình A. Biết mỗi khối lập phương nhỏ đó được làm từ kim loại và có cân nặng 2 kg.

a) Hình A có cân nặng là.....yến.....kg.

b) Để xếp thành một hình B có tầng trên giống tầng dưới của hình A thì cần xếp thêmkhối lập phương nhỏ cùng loại.

Khi đó hình B có cân nặng làkg.

TỰ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1

1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Số chẵn lớn nhất có sáu chữ số là số nào?

A. 1 000 000

B. 999 999

C. 999 998

D. 888 888

b) Chương trình máy tính đầu tiên ra đời vào năm 1843. Hỏi chương trình máy tính đầu tiên ra đời vào thế kỉ nào?

A. Thế kỉ IX

B. Thế kỉ XVIII

C. Thế kỉ XIX

D. Thế kỉ XX

c) Giá trị của biểu thức $4\,375 \times (10 - 8) + 673\,169$ là

A. 681 919

B. 716 917

C. 677 544

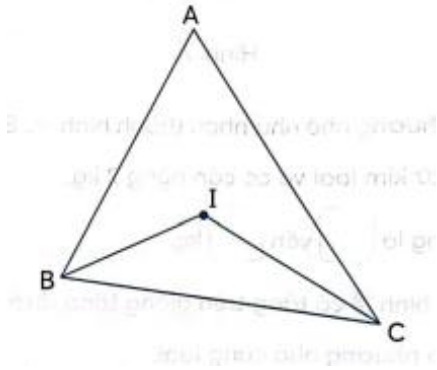
D. 716 911

2. Đ, S?

... a) Hình bình hành luôn có bốn cạnh bằng nhau.

... b) Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song với nhau.

3. Cho hình vẽ sau:



a) Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp.

Dùng thước đo góc, em đo được số đo góc đỉnh I; cạnh IB, IC bằng.....

b) Qua điểm I, em hãy vẽ đoạn thẳng IH vuông góc với BC tại điểm H.

c) Số ?

Trong hình em vừa vẽ có.....góc nhọn,.....góc vuông,.....góc tù.

4. > ; < ; = ?

a) 4 cm^2 800 mm^2 : 2

b) $250 \text{ kg} + 73 \text{ kg} < 1 \text{ tấn}$

5. Một chương trình máy tính vừa thực hiện 7 924 phép tính cộng và phép tính nhân. Trong đó, số phép tính cộng nhiều hơn số phép tính nhân là 1 400 phép. Hỏi chương trình máy tính đó đã thực hiện bao nhiêu phép tính cộng, bao nhiêu phép tính nhân?

Số phép cộng là: $(7924 + 1400) : 2 = 4662$ (phép)

Số phép nhân là: $4662 - 1400 = 3262$ (phép)

Đáp 0,5

6. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

a) Ban đầu, bác Thuận có 20 000 000 đồng trong tài khoản ngân hàng. Sau 1 tháng, tài khoản của bác Thuận được cộng thêm 100 000 đồng tiền lãi, đồng thời bác rút 4 000 000 đồng để chi tiêu. Hỏi trong tài khoản ngân hàng của bác Thuận lúc này có bao nhiêu tiền?

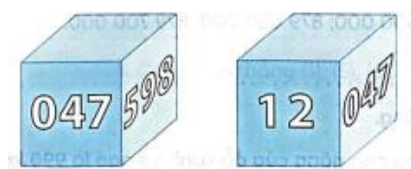
A. 15 900 000 đồng

B. 16 000 000 đồng

C. 16 100 000 đồng

D. 24 100 000 đồng

b) Một số có nhiều chữ số được viết lên ba mặt của một khối lập phương. Biết hai góc nhìn của khối lập phương đó như sau:



Số có nhiều chữ số đó là số nào?

A. 04 759 812

B. 59 812 047

C. 12 047 598

D. 12 598 047

HƯỚNG DẪN, ĐÁP ÁN MỘT SỐ BÀI TẬP

ĐỀ 1

4. a) Đ; b) S; c) S; d) Đ.

9. Đáp số: 56 490 cây

ĐỀ 2

5. Khoanh vào: a. B; b) B; c) D

10. Gợi ý: Viết 2.000, 2001, 2002 ở ba đỉnh

ĐỀ 3

2. a. Khoanh vào C.

10. a) Đ; b) S; c) Đ; d) S.

ĐỀ 4

9, a. S; b) Đ; c) S; d) Đ; e. Đ

10. a) 7; b) 3; c) 2.

ĐỀ 5

5. Khoanh vào: a) D; b) C; c) A.
số 8.

10. Gợi ý: Các số cần tìm có 5 chữ số 9 và 1 chữ

ĐỀ 6

5. 100 000 009

10, Khoanh vào D.

ĐỀ 7

8. a) Đ; b) S; c) S; d) Đ. 10. 798 560 000; 798 600 000; 879 650 000; 879 700 000.

ĐỀ 8

9. Đáp số: 255 tạ xi măng

10. Có chở được vì tổng cân nặng của đồ xanh và gạo là $990 \text{ kg} < 1 \text{ tấn}$.

ĐỀ 9

5. Đáp số: 36 m^2 .

10. Gợi ý: Năm thuộc thế kỉ XXI là năm 2100 hoặc năm có chữ số hàng nghìn là 2, chữ số hàng trăm là 0.

TỰ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1

6. a) 6; b) 4; c) 2.

7. Đáp số: 157 000 đồng.

ĐỀ 10

4. Khoanh vào C.

7. Đáp số 63kg.

9. Gợi ý: Coi số tiền theo đơn vị nghìn đồng.

Dùng nhận xét: Tổng của hai số lẻ hoặc hai số chẵn luôn là một số chẵn.

ĐỀ 11

3. Đáp số 466 988.

9. a) 199 452, 103 462

ĐỀ 12

8. Khoanh vào C.

9. Đáp số: Thùng thứ nhất 115 quả cam; thùng thứ hai: 85 quả cam.

ĐỀ 13

4. a) S; b) S; c) Đ; d) S.

10. Nam, Việt, Mai lần lượt ngồi ở ca-bin số 2, 4, 6

ĐỀ 14

5. Chữ E, N; b) Chữ k

8. Các thanh ngang của cái thang.

ĐỀ 15

4. Đoạn thẳng EG dài 4 cm.

6. Cửa được 16 miếng gỗ hình thoi

ĐỀ 16

8. Đáp số: 4 476 000 đồng.

10. Khoanh vào D.

ĐỀ 17

6. Khoanh vào D.

8. Các đoạn thẳng (1), (5), (6), (2),

ĐỀ 18

4. b) 90° ; c) Khoanh vào D.

8. a) 6 yến 6 kg; b) Xếp thêm 7 khối lập phương. Hình B cân nặng 80 kg.

TỰ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1

3. c) 9 góc nhọn, 2 góc vuông, 1 góc tù.

6. Khoanh vào: a) C; b) C.